

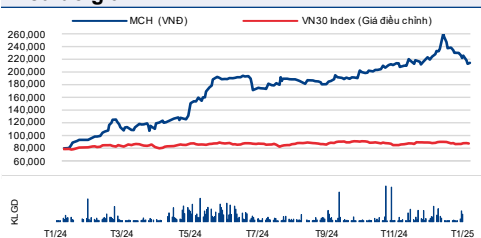
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ272,300
Tiềm năng tăng/giảm: 27.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	214,300
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	78,994-260,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	214,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	155,290
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,199
Slg CP lưu hành (tr.đv)	725
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	362
Slg CP NN được mua (tr.đv)	351
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	1.58%
Tỷ lệ freefloat	7.10%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (92.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	28,241	31,502	35,564
EBITDA đc (tỷ đồng)	7,239	8,666	10,121
LNTT (tỷ đồng)	8,099	9,357	9,966
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,085	8,014	8,536
FCF (tỷ đồng)	5,682	8,237	8,241
EPS ĐC (đồng)	9,888	11,060	11,780
DPS (đồng)	22,251	10,000	10,000
BVPS (đồng)	35,978	24,549	26,179
T.trưởng EBITDA (%)	16.2	19.7	16.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	30.0	11.9	6.51
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(55.1)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.6	27.5	28.5
Tỷ suất LNTT (%)	28.7	29.7	28.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.1	25.4	24.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	225	90.4	84.9
Nợ thuần/VCSH (%)	11.5	(29.8)	(27.3)
ROAE (%)	29.7	36.8	46.4
ROACE (%)	26.7	34.2	47.3
EV/doanh thu (lần)	5.54	4.76	4.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.6	17.3	14.8
P/E ĐC (lần)	21.7	19.4	18.2
P/B (lần)	5.96	8.73	8.19
Lợi suất cổ tức (%)	10.4	4.67	4.67

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại giá vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: Lợi nhuận thuần tăng 2% so với cùng kỳ, thấp hơn 8% so với dự báo

- MCH ghi nhận lợi nhuận thuần Q4/2024 ở mức 2.329 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 8.932 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ). Cả hai chỉ số đều lần lượt thấp hơn 8% và 6% so với dự báo của HSC. Với chiến lược mới, doanh thu giảm nhưng tỷ suất lợi nhuận tăng.
- Lũy kế năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của MCH đạt lần lượt 31 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 9%) và 7.803 tỷ đồng (tăng trưởng 10%), hoàn thành 98% và 97% dự báo của HSC.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 17% từ mức đỉnh vào tháng 12/2024, chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MCH. Chúng tôi ưa thích cổ phiếu MCH nhờ mảng kinh doanh cốt lõi vững chắc, cổ phiếu có thanh khoản phục hồi tốt nhờ phát hành quyền mua ngắn hạn và tiềm năng thu hút vốn mạnh khi chuyển niêm yết sang HSX (khả năng trong nửa đầu năm 2025).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

MCH công bố KQKD Q4/2024 vào sáng ngày 24/1/2025. Doanh thu thuần tăng 5% so với cùng kỳ đạt 8.942 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng nhẹ 2% so với cùng kỳ đạt 2.329 tỷ đồng. Cả hai kết quả này đều lần lượt thấp hơn 6% và 8% so với dự báo của HSC.

Lũy kế năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần dự báo đạt lần lượt 30.897 tỷ đồng (tăng trưởng 9%) và 7.803 tỷ đồng (tăng trưởng 10%), hoàn thành lần lượt 98% và 97% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi.

Chuyển sang HĐKD có hiệu quả đầu tư cao hơn, ảnh hưởng lên doanh thu...

Mặc dù quý 4 là mùa cao điểm, nhưng doanh thu thuần trong quý của MCH đạt chỉ 8.942 tỷ đồng, thấp hơn dự báo của chúng tôi ở mức 9.548 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu gia vị sát với dự báo của chúng tôi, trong khi việc thay đổi chiến lược gần đây của MCH, tập trung vào HĐKD có hiệu quả đầu tư cao hơn và tạm ngưng ra mắt sản phẩm mới đã tạo sức ép lên doanh thu của các phân khúc sản phẩm chính.

- Doanh thu thực phẩm tiện lợi Q4/2024 giảm 5% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước đạt 2.274 tỷ đồng, thấp hơn 19% so với dự báo của HSC ở mức 2.822 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, MCH

Lợi nhuận thuần Q4 đạt 2.329 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2024	Tăng trưởng	2024F	% dự báo
Doanh thu thuần	8,942	5%	12%	30,897	9%	31,502	98%
Lợi nhuận gộp	4,176	4%	12%	14,405	11%	14,783	97%
Chi phí BH&QL	(1,785)	-1%	2%	(6,880)	10%	(6,993)	98%
EBIT	2,391	8%	21%	7,525	12%	7,790	97%
Doanh thu HĐ tài chính	302	-19%	-21%	1,423	8%	1,504	95%
Lợi nhuận thuần	2,329	2%	12%	7,803	10%	8,014	97%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46.7%			46.6%		46.9%	
Tỷ suất lợi nhuận HĐ	26.7%			24.4%		24.7%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	26.0%			25.3%		25.4%	

Nguồn: MCH; HSC

- Doanh thu đồ uống tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ đạt 1.336 tỷ đồng (tăng 5% so với quý trước), thấp hơn 16% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.594 tỷ đồng.
- Doanh thu cà phê hòa tan tăng vững chắc 9% so với cùng kỳ và 53% so với quý trước đạt 620 tỷ đồng, được hỗ trợ từ việc tăng giá bán trong Q3/2024. Kết quả trên cao hơn 7% so với dự báo của chúng tôi ở mức 578 tỷ đồng.
- Doanh thu sản phẩm chăm sóc gia đình & cá nhân vẫn chưa khởi sắc, giảm 20% so với cùng kỳ xuống 429 tỷ đồng (giảm 8% so với quý trước), đa phần do KQKD kém tích cực của NET.

...tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận cải thiện

Đáng khích lệ, tỷ suất lợi nhuận hoạt động cải thiện lên 26,7% trong Q4/2024, cao hơn so với 26,1% trong Q4/2023 và 24,8% trong Q3/2024. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 lành mạnh ở mức 46,7%, so với 46,8% trong Q3/2024 và 47,3% trong Q4/2023, nhờ cơ cấu sản phẩm thuận lợi, chiến lược cao cấp hóa sản phẩm và tăng giá bán trên tất cả phân khúc nhỏ.

Nhờ cắt giảm các chương trình khuyến mãi, tỷ lệ chi phí hoạt động/doanh thu thuần của MCH giảm đáng kể xuống mức 20% doanh thu thuần trong Q4/2024, so với 21,2% và 22% trong Q4/2023 và Q3/2024.

Trong Q4/2024, lợi nhuận HĐ tài chính giảm 19% so với cùng kỳ và giảm 21% so với quý trước xuống 302 tỷ đồng, đa phần do Công ty trích một khoản tiền lớn 23 nghìn tỷ đồng để trả cổ tức. Loại trừ các khoản chi phí phi hoạt động, tỷ suất EBITDA Q4/2024 tăng mạnh lên mức cao mới 28,6% (so với 28% trong Q4/2023 và 26,9% trong Q3/2024).

Bảng CĐKT lành mạnh hơn nhiều

Tính đến cuối Q4/2024, tổng tài sản của MCH đạt 27.890 tỷ đồng (giảm 31% so với cùng kỳ), do Công ty trích một khoản tiền khá lớn để trả cổ tức trước khi chuyển niên yết sang HSX. Theo đó, MCH giảm mạnh các khoản cho vay nội bộ và các hoạt động ngân quỹ – với các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn giảm 96% và 31% so với cùng kỳ xuống còn 344 tỷ đồng và 6.472 tỷ đồng. Trong khi đó, MCH gần như đã thanh lý toàn bộ các khoản đầu tư ngắn hạn. Tổng nợ ngắn hạn và dài hạn lên đến 10.831 tỷ đồng (tăng 28% so với cùng kỳ), tương ứng với tỷ lệ nợ/vốn CSH là 0,96 lần.

Mục tiêu doanh thu năm 2025: tăng trưởng 10-15%

MCH đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 ở mức 33.500 tỷ đồng đến 35.000 tỷ đồng (tăng trưởng 10-15%). Hiện chúng tôi dự báo doanh thu thuần năm 2025 ở mức 35.564 tỷ đồng, sát với mức cao của mục tiêu doanh thu của Công ty. MCH đặt mục tiêu duy trì khả năng sinh lời cao và hiện chưa công bố mục tiêu lợi nhuận thuần cụ thể cho năm 2025. Dự báo lợi nhuận thuần năm 2025 của chúng tôi ở mức 8.536 tỷ đồng, tăng trưởng 9%.

Duy trì khuyến nghị Mua vào

Sau khi giá cổ phiếu giảm 17% từ mức đỉnh vào tháng 12/2024, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MCH. Trong khi chúng tôi thích cổ phiếu MCH nhờ có HĐKD cốt lõi tuyệt vời, thanh khoản cổ phiếu có khả năng cải thiện tốt (nhờ phát hành quyền mua ngắn hạn) và tiềm năng thu hút vốn mạnh khi chuyển niên yết sang HSX (khả năng trong nửa đầu năm 2025) là những động lực tăng trưởng chính cho giá cổ phiếu trong dài hạn.

Mặc dù doanh thu Q4/2024 thấp hơn dự báo của chúng tôi, tỷ suất lợi nhuận có vẻ tích cực hơn nhờ thay đổi chiến lược kinh doanh.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, MCH

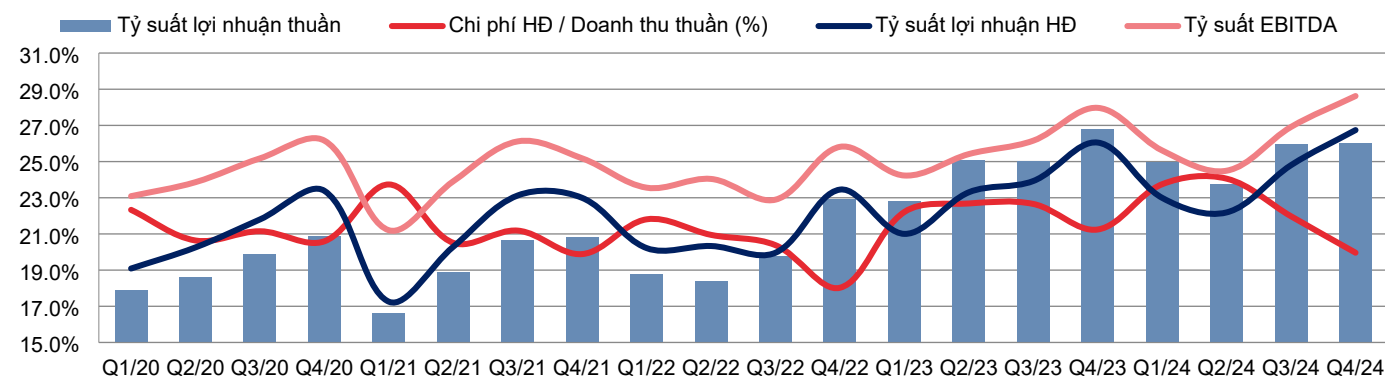
Tổng doanh thu thuần Q4 thấp hơn so với dự báo của chúng tôi do những thay đổi chiến lược gần đây

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng	2024F của HSC	% dự báo
Gia vị	3,292	2,849	3,488	6%	22%	10,446	11,198	7%	11,200	100%
Thực phẩm tiện lợi	2,391	2,603	2,274	-5%	-13%	8,446	9,156	8%	9,704	94%
Đồ uống	1,326	1,274	1,336	1%	5%	4,595	5,247	14%	5,505	95%
Cà phê hòa tan	567	405	620	9%	53%	1,625	1,787	10%	1,745	102%
HPC	535	468	429	-20%	-8%	1,810	1,792	-1%	1,952	92%
Mảng khác	382	388	796	108%	105%	1,320	1,717	30%	1,399	123%
Doanh thu thuần	8,494	7,987	8,942	5%	12%	28,241	30,897	9%	31,502	98%

Nguồn: MCH; HSC ước tính

Biểu đồ 3: Xu hướng tỷ suất lợi nhuận, MCH

Tỷ suất lợi nhuận HĐ và tỷ suất EBITDA tăng mạnh lên mức cao nhất trong giai đoạn từ Q1/2020 đến Q4/2024



Nguồn: MCH; HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	26,977	28,241	31,502	35,564	39,846
Lợi nhuận gộp	11,132	12,974	14,783	16,740	18,874
Chi phí BH&QL	(5,428)	(6,254)	(6,993)	(7,569)	(8,497)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	5,703	6,721	7,790	9,170	10,377
Lãi vay thuần	549	1,315	1,504	726	1,300
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	13.3	58.7	63.3	69.7	76.6
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(22.8)	4.09	0	0	0
LNTT	6,243	8,099	9,357	9,966	11,753
Chi phí thuế TNDN	(711)	(905)	(1,219)	(1,298)	(1,531)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(81.7)	(109)	(123)	(131)	(155)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,451	7,085	8,014	8,536	10,067
Lợi nhuận thuần ĐC	5,451	7,085	8,014	8,536	10,067
EBITDA ĐC	6,230	7,239	8,666	10,121	11,409
EPS (đồng)	7,607	9,888	11,060	11,780	13,893
EPS ĐC (đồng)	7,607	9,888	11,060	11,780	13,893
DPS (đồng)	0	22,251	10,000	10,000	10,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	717	717	725	725	725
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	717	717	725	725	725
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	717	717	725	725	725

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	5,588	5,790	12,309	12,377	13,298
Đầu tư ngắn hạn	1,404	4,908	2,454	3,000	5,000
Phải thu khách hàng	16,527	10,989	3,270	4,467	5,174
Hàng tồn kho	2,502	2,178	2,430	2,743	3,074
Các tài sản ngắn hạn khác	72.0	56.1	62.5	70.6	79.1
Tổng tài sản ngắn hạn	26,092	23,922	20,526	22,658	26,625
TSCĐ hữu hình	4,256	4,789	5,044	5,324	5,633
TSCĐ vô hình	836	763	642	518	391
Bất động sản đầu tư	7.36	5.75	5.75	5.75	5.75
Đầu tư dài hạn	811	275	275	275	275
Đầu tư vào Cty LD,LK	249	295	295	295	295
Tài sản dài hạn khác	1,264	10,503	4,656	4,603	4,549
Tổng tài sản dài hạn	7,424	16,631	10,917	11,020	11,149
Tổng cộng tài sản	33,517	40,553	31,444	33,678	37,774
Nợ ngắn hạn	6,626	8,469	6,931	7,113	7,571
Phải trả người bán	1,496	2,024	2,216	2,495	2,780
Nợ ngắn hạn khác	1,656	2,577	2,844	3,210	3,597
Tổng nợ ngắn hạn	10,061	13,729	12,726	13,648	14,878
Nợ dài hạn	775	227	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	167	160	160	160	160
Nợ dài hạn khác	56.1	49.7	38.4	38.4	38.4
Tổng nợ dài hạn	998	437	198	198	198
Tổng nợ phải trả	11,071	14,177	12,935	13,858	15,087
Vốn chủ sở hữu	21,918	25,780	17,789	18,970	21,682
Lợi ích cổ đông thiểu số	528	596	719	851	1,005
Tổng vốn chủ sở hữu	22,446	26,376	18,508	19,820	22,687
Tổng nợ phải trả và VCSH	33,517	40,553	31,444	33,678	37,774
BVPS (đ)	30,588	35,978	24,549	26,179	29,921
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,813	2,906	(5,379)	(5,264)	(5,728)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	5,703	6,721	7,790	9,170	10,377
Khấu hao	(527)	(518)	(877)	(951)	(1,032)
Lãi vay thuần	549	1,315	1,504	726	1,300
Thuế TNDN đã nộp	(790)	(731)	(1,219)	(1,298)	(1,531)
Thay đổi vốn lưu động	(2,966)	(2,21)	(187)	(194)	(214)
Khác	(539)	(1,565)	483	(6,31)	569
LCT thuần từ HKKD	2,484	6,256	9,247	9,348	11,533
Đầu tư TS dài hạn	(1,243)	(573)	(1,010)	(1,107)	(1,214)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	244	3.89	0	0	0
Khác	(8,273)	(6,519)	16,124	(1,000)	(2,500)
LCT thuần từ HĐĐT	(9,272)	(7,088)	15,114	(2,107)	(3,714)
Cổ tức trả cho CSH	(114)	(262)	(16,124)	(7,356)	(7,356)
Thu từ phát hành CP	94.8	0	48.0	0	0
Tăng/giảm nợ	(618)	1,295	(1,766)	182	458
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(638)	1,034	(17,842)	(7,173)	(6,897)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	13,013	5,588	5,790	12,309	12,377
LCT thuần trong kỳ	(7,426)	202	6,519	67.8	921
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.95	0.06	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,588	5,790	12,309	12,377	13,298
Dòng tiền tự do	1,241	5,682	8,237	8,241	10,319

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	41.3	45.9	46.9	47.1	47.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	23.1	25.6	27.5	28.5	28.6
Tỷ suất LNT (%)	20.2	25.1	25.4	24.0	25.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.4	11.2	13.0	13.0	13.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(2.87)	4.68	11.5	12.9	12.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(6.55)	16.2	19.7	16.8	12.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	0.17	30.0	13.1	6.51	17.9
Tăng trưởng EPS (%)	0.07	30.0	11.9	6.51	17.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	0.07	30.0	11.9	6.51	17.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	(55.1)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	225	90.4	84.9	72.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.4	29.7	36.8	46.4	49.5
ROACE (%)	27.3	26.7	34.2	47.3	48.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.85	0.76	0.88	1.09	1.12
Tiền mặt HĐ/EBIT (lần)	0.44	0.93	1.19	1.02	1.11
Số ngày tồn kho	57.6	52.1	53.0	53.2	53.5
Số ngày phải thu	381	263	71.4	86.6	90.0
Số ngày phải trả	34.4	48.4	48.4	48.4	48.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	8.53	11.5	(29.8)	(27.3)	(26.0)
Nợ/tài sản (%)	22.3	21.6	22.3	21.4	20.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.20	1.21	0.81	0.71	0.67
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.59	1.74	1.61	1.66	1.79
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.76	5.54	4.76	4.22	3.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	24.9	21.6	17.3	14.8	13.1
P/E (lần)	28.2	21.7	19.4	18.2	15.4
P/E ĐC (lần)	28.2	21.7	19.4	18.2	15.4
P/B (lần)	7.01	5.96	8.73	8.19	7.16
Lợi suất cổ tức (%)	0	10.4	4.67	4.67	4.67

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn